

KINH KALAKA SUTTA: THẤY BIẾT MÀ KHÔNG DỰNG LẬP THẤY BIẾT

Nguyễn Giác

Đức Phật chỉ đường Giới Định Huệ là để giải thoát khỏi Tham Sân Si, ba độc đã lôi kéo chúng ta nhiều đời. Từ giáo pháp nhà Phật, hiện nay, các nhà khoa học Tây phương đã chọn ra một phần thích nghi để sử dụng cho nhiều trường hợp có lợi cho nhân loại và xã hội – trong đó, chánh niệm, thường dịch là mindfulness, được quan tâm, ưa chuộng nhất.

Chánh niệm, hay mindfulness, được đưa vào trường học, bệnh viện, nhà tù. Những khái niệm Phật giáo bị nhiều người lược bỏ hẳn, vì nhu cầu của xã hội thế tục, và cũng vì luật pháp Hoa Kỳ cấm truyền giảng tôn giáo trong các trường công lập, nhà tù...

Đã từng có vị sư lạc quan - khi một nữ Phật tử tới thỉnh ý, rằng cô sắp kết hôn với một người đạo Ky Tô và phía bên chồng ép cô cải đạo – thầy đã khuyên cô rằng cải đạo cũng được, nhưng ráng giữ pháp chánh niệm tỉnh giác trong mọi thời. Lẽ ra, câu trả lời nên là lựa chọn theo hoàn cảnh và ước nguyện cá nhân, thay vì là lời khuyên cho mọi trường hợp.

Các ứng dụng của chánh niệm vào Hoa Kỳ đã đưa vào nhiều lĩnh vực, giúp cho các kỹ sư nhanh nhẹn hơn, giúp học trò tăng trí nhớ, giúp tù nhân giảm bạo động, giúp bệnh viện chữa một số bệnh, giúp người ta ăn ngon hơn, giúp chúng ta hạnh phúc hơn trong khi rửa chén và một số bác sĩ còn đẩy cả mindfulness vào tình dục – vào Google.com sẽ thấy rất nhiều như thế. Nghĩa là, chánh niệm trở thành kỹ năng cho sinh hoạt đời thường, trong một số trường hợp chỉ làm sâu dày thêm tham sân si.

Thậm chí, nhiều nhà truyền giáo Ky Tô cũng tự biết phải đưa ra ngôn ngữ mới: rằng mindfulness có hai phương diện, ngồi thiền chánh niệm là lắng nghe Thượng Đế và cầu nguyện là nói với cõi trên đó.

Bởi vậy, coi chừng dậm dãi trăm nẻo lạ.

*

Câu hỏi nơi đây là, chánh niệm để giải thoát là như thế nào?

Kinh Phật nói rằng chỉ có một hướng giải thoát là Giới Định Huệ. Trong đó, có một số lời dạy được Đức Phật gọi là giáo pháp ngắn gọn, nơi đó chủ yếu qua cửa vào là bằng Huệ, đặc biệt là “càn huệ” – tức “dry insight” – huệ khô, nghĩa là không cần tu định. Kinh Phật kể về nhiều đệ tử Phật đắc ba quả thánh đầu tiên không qua tu định. Nơi đây, nên hiểu một cách mặc định là phải giữ giới.

Như trong Kinh Bahiya, Đức Phật dạy rằng “trong cái thấy chỉ là cái được thấy...” và du sĩ ngoại đạo Bahiya tức khắc đặc quả A La Hán. Nghĩa là, quên hết các pháp và chỉ còn thấy trên đầu một chữ “Nhu”...

Hay như trong Kinh Khemaka, Đức Phật dạy y hết Kinh Kim Cang là “ưng vô sở trụ... chớ trụ tâm vào đâu hết...”(1)

Và bây giờ, một lối khác để vào đạo, có thể tìm thấy ở Kinh Kalaka Sutta (AN 4.24 PTS: A ii 23), trong Anguttara Nikāya... Có thể gọi tắt là: thấy biết mà dựng lập thấy biết là rơi vào cội nguồn vô minh, và thấy biết mà không dựng lập thấy biết là hiện thân Niết Bàn.

Điểm xuyên suốt qua ba lời dạy vừa nêu, được dùng rất nhiều trong Thiền Tông. Hiểu ba lời dạy trên, sẽ hiểu được tại sao các Thiền sư thường nói những câu như: ...Ta không một pháp trao cho người... Không hề có một pháp nào để tu hết... Giới định huệ đã sẵn đủ

trước mắt... Còn khởi niệm gì nữa chỉ là trên đầu chấp thêm đầu... Toàn tướng tức tánh... Trong cái được thấy đã hiển lộ cái thấy...

*

Kinh Kalaka Sutta gợi nhớ tới một lời dạy trong Kinh Lăng Nghiêm, và thường được nhiều thiền sư trích giảng:

Tri kiến lập tri, tức vô minh bổn; Tri kiến vô kiến, tức tư Niết Bàn...

Nghĩa là:

Thấy biết mà dựng lập thấy biết, chính là cội gốc vô minh; Thấy biết, không dựng lập thấy biết, tức khắc là Niết Bàn.

Trong tác phẩm *Thiền Tông Cuối Thế Kỷ 20*, trong chương Yếu Chỉ Thiền Tông, Thiền Sư Thích Thanh Từ ghi về câu này trong Kinh Lăng Nghiêm:

"Sáu căn là gốc luân hồi, sáu căn cũng là gốc giải thoát, nguyên nhân tại sao sai biệt như vậy? Chúng ta hãy nghe Phật nói: "Tri kiến mà lập tri là gốc vô minh; tri kiến mà không kiến đây là Niết-bàn" (Tri kiến lập tri tức vô minh bổn, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn). Trong cái thấy biết, chạy theo phân biệt là gốc vô minh; trong cái thấy biết, không phân biệt là Niết-bàn."(2)

Trong bản dịch chú giải Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tông Thông, Thiền Sư Nhẫn Tế viết:

"Thông rằng: Các nhà chú giải xưa nói : kéo mỗi bên trái, bên phải là dụ cho sự nương y vào hai bên không, có, nên không thể mở nút. Nên cần phải ở trong Viên Quán, nơi Căn không sanh phân biệt, nơi Cảnh không sanh bám nắm, thì nút mở ra. Phàm đợi Quán rồi mới mở ra được, thể vẫn chỉ là kéo mỗi phải, mỗi trái mà thôi, nơi chỗ tâm của mỗi nút có ăn nhằm gì? Chẳng như lời lẽ của nhà Thiền rất kín đáo nhiệm mầu vậy." (3)

*

Lời dạy này trong Kinh Kalaka Sutta – tri kiến lập tri tức vô minh bổn; tri kiến vô kiến tức tư Niết Bàn... diễn theo ngôn ngữ khác, là chữ Như -- được Đức Phật gọi là pháp cao nhất, tối thượng nhất, không gì thắng diệu hơn.

Trích Kinh Kalaka Sutta, lời Đức Phật:

...And I tell you: There's no other 'Such' higher or more sublime...

...Và Ta nói với quý vị rằng: Không có pháp 'Như' nào cao hơn, cũng như không gì khác tối thượng hơn...

Kinh này cũng nói về thấy nghe hay biết.

Trong Kinh Kalaka Sutta, khi nói về cái thấy:

- bản dịch của Bhikkhu Bodhi là: "does not misconceive the seen" (chớ diễn dịch chệch hướng cái được thấy);

- bản của Thanissaro Bhikkhu: "doesn't construe an [object as] seen" (chớ dựng lập một vật như được nhìn);

- bản của Bhikkhu K. Nananda: "does not conceive of a visible thing as apart from sight" (chớ dựng lập một vật có thể thấy tách rời khỏi cái thấy).

Đó là âm vang của Kinh Lăng Nghiêm: khi thấy biết, chớ dựng lập cái thấy biết, đó là Niết Bàn... Cũng có thể ghi cách khác: rời cái được nghe, sẽ không có cái nghe. Tức cảnh, tức tâm. Toàn tướng, tức tánh... Toàn tánh, tức tướng.

*

Duyên khởi Kinh Kalaka Sutta cũng lạ. Trong lời bình từ các trưởng lão ghi trong Tạng Pali, Đức Phật biết trước rằng, khi nói kinh này xong, những vị tăng nghe xong sẽ đắc quả A La Hán. Khi kinh tuyên thuyết xong, đại địa chấn động tới các biên cõi.

Gọi Kinh Kalaka Sutta là đặt theo tên ngài Kalaka, một thí chủ đại phú, là bố chồng của nữ Phật tử Cūlasubbhaddā (con gái của ngài Anāthapiṇḍika). Lúc đầu, ngài Kalaka là tín

đồ ngoại đạo lửa thối, không biết gì về Đức Phật và Phật pháp. Cô Cūḷasubbhaddā nài ni để ngài Kalaka mời Đức Phật và chư tăng tới dự một tiệc cúng dường.

Sau bữa ăn, Đức Phật nói một thời pháp, và ngài Kalaka nghe xong là chứng quả nhập lưu (stream-entry) – cũng là quả thánh đầu tiên, còn gọi là Tu Đà Hoàn, sau khi phá được ba kiết sử Thân kiến, Giới cấm thủ, và nghi. Sau đó, ngài Kālaka xây một tu viện trong vườn của ngài, và dâng cúng Đức Phật cả tu viện và khu vườn.

Một hôm, khi chư tăng bản quán ở Sāketa ngồi trong giảng đường, nói về thành công của Đức Phật trong việc đưa ngài Kalaka vào Phật giáo, Đức Phật đọc được tâm của họ và biết rằng chư tăng đã sẵn sàng để nghe một thời pháp và nghe xong pháp này là sẽ đắc quả A La Hán. Đức Phật cũng biết rằng lúc đó, đại địa sẽ chấn động tới tất cả các cõi biên. Đó là nhân duyên có kinh này, một kinh chính Đức Phật gọi là tối thượng, vì chư tăng nghe xong là tức khắc đắc quả A La Hán, không còn dính mắc gì nữa.

*

Sau đây, sẽ dịch toàn văn theo bản Anh dịch của ngài Thanissaro Bhikkhu.

AN 4.24 PTS: A ii 23

Kalaka Sutta: Tại Vườn của Ngài Kalaka

Một hôm, Đức Phật đang ngụ ở làng Saketa, tại khu vườn của Kalaka. Nơi đó, Đức Phật nói với chư tăng, "Này các tỳ kheo!"

Các vị sư đáp, "Kính thưa Đức Phật, xin nghe."

Đức Phật nói:

"Các tỳ kheo, bất cứ những gì trong vũ trụ này – trong đó với chư thiên, các thiên ma, các Phạm Thiên, các thế hệ những người tu thiền và bà la môn, các thân tộc vương giả và người thường dân – được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận biết, được thành tựu, được tìm kiếm tới, được suy tư lượng định bởi tri thức: Mà ta biết tới.

"Bất cứ những gì trong vũ trụ này – trong đó với chư thiên, các thiên ma, các Phạm Thiên, các thế hệ những người tu thiền và bà la môn, các thân tộc vương giả và người thường dân – được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận biết, được thành tựu, được tìm kiếm tới, được suy tư lượng định bởi tri thức: Mà ta biết trực tiếp.

"Tất cả đã được nhận biết bởi Như Lai, nhưng trong Như Lai, nó không được dựng lập.

"Nếu ta nói rằng, 'Ta không biết bất cứ gì trong vũ trụ... được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận biết, được thành tựu, được tìm kiếm tới, được suy tư lượng định bởi tri thức,' như thế sẽ không đúng trong ta.

"Nếu ta nói rằng, 'Ta vừa biết và vừa không biết bất cứ gì trong vũ trụ... được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận biết, được thành tựu, được tìm kiếm tới, được suy tư lượng định bởi tri thức,' như thế cũng y hệt [không đúng trong ta].

"Nếu ta nói rằng, 'Ta không biết và cũng không không biết bất cứ gì trong vũ trụ... được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận biết, được thành tựu, được tìm kiếm tới, được suy tư lượng định bởi tri thức,' như thế sẽ không đúng trong ta.

"Các tỳ kheo, do vậy,

"Như Lai, khi thấy cái được thấy, không dựng lập một [vật như] cái được thấy.

"Như Lai không dựng lập một cái không được thấy.

"Như Lai không dựng lập một [vật] dự kiến sẽ được thấy.

"Như Lai không dựng lập một người thấy.

"Khi nghe...

"Khi cảm thọ...

"Khi nhận biết cái sẽ được nhận biết, Như Lai không dựng lập một [vật như] cái được nhận biết. Như Lai không dựng lập một cái không được nhận biết. Như Lai không dựng lập một [vật] dự kiến sẽ được nhận biết. Như Lai không dựng lập một người nhận biết.

"Các tỳ kheo, do vậy, Như Lai – y hệt không khác trong khi đối cảnh với tất cả các hiện tượng [mà các hiện tượng này] có thể được thấy, được nghe, được cảm thọ & được nhận biết – là "Như thế, Như thị, Như như."

"Và ta nói với các người rằng: Không có một cái "Như" nào khác cao hơn, cũng không có gì tối thẳng hơn.

"Bất cứ những gì được thấy, hay được nghe, hay được cảm thọ và những gì bị cho như là thật bởi người khác,

Người đã sống được cái Như – giữa những kẻ tự làm phiền não sẽ không cho gì là đúng, hay cho gì là sai.

"Đã thấy rõ trước rằng mũi tên đó

nơi nhiều thế hệ bị chấp vào và treo lên

-- 'Ta biết, Ta thấy, các pháp chỉ như thế!'

Không hề có gì mà Như Lai chấp vào." (4)

GHI CHÚ:

(1) Kinh Khemaka: Ứng Vô Sở Trụ

Link: <http://thuvienhoasen.org/a23991/kinh-khemaka-ung-vo-so-tru>

(2) Xem: <http://www.thientongvietnam.net/kinhsach-thike/dirs/ttvnctk20/unicode/p3-5a.html>

(3) Xem: <http://thuvienhoasen.org/a1226/quyen-v>

(4) Xem toàn văn bản Anh dịch Kalaka Sutta:

<http://www.accesstoinight.org/tipitaka/an/an04/an04.024.than.html> .